Chi tiết mã HS 9703.10.00

Mã HS	9703.10.00
Mô tả hàng hóa	Nguyên bản tác phẩm điêu khắc và tượng tạc, làm bằng mọi loại vật liệu / - Có tuổi trên 100 năm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 12:30:51
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/97031000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19036
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19036
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19036
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18302
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18231
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18231
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18231
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18231
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18231
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18231
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18287
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18287

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18287
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18287
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18287
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18287
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18288
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18288
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18288
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18288
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18288
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18288
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18293
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18250
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18245
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18245
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18245
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18245
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18245
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18245
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18293
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18293
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18293
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18293
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18293
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18293
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18357
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18357
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18357
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18357
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18357
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18331
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18331
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18331
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18331
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18331
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18331
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18324
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18324
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18324
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18324
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18324
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18324
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18354
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18354
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18354
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18354
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18354
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18354
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18353
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18353
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18353
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18353

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18353
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18353
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18447
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18447
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18447
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18447
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18447
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18447
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18447
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18318
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18318
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18318
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18318
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18318
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18318
RCEP B	2022	2022	0	B!D18318
RCEP B	2023	2023	0	B!E18318
RCEP B	2024	2024	0	B!F18318
RCEP B	2025	2025	0	B!G18318
RCEP B	2026	2026	0	B!H18318
RCEP B	2027	2027	0	B!I18318
RCEP C	2022	2022	0	C!D18316
RCEP C	2023	2023	0	C!E18316
RCEP C	2024	2024	0	C!F18316
RCEP C	2025	2025	0	C!G18316
RCEP C	2026	2026	0	C!H18316

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18316
RCEP D	2022	2022	0	D!D18315
RCEP D	2023	2023	0	D!E18315
RCEP D	2024	2024	0	D!F18315
RCEP D	2025	2025	0	D!G18315
RCEP D	2026	2026	0	D!H18315
RCEP D	2027	2027	0	D!I18315
RCEP E	2022	2022	0	E!D18320
RCEP E	2023	2023	0	E!E18320
RCEP E	2024	2024	0	E!F18320
RCEP E	2025	2025	0	E!G18320
RCEP E	2026	2026	0	E!H18320
RCEP E	2027	2027	0	E!I18320
RCEP F	2022	2022	0	F!D18318
RCEP F	2023	2023	0	F!E18318
RCEP F	2024	2024	0	F!F18318
RCEP F	2025	2025	0	F!G18318
RCEP F	2026	2026	0	F!H18318
RCEP F	2027	2027	0	F!I18318
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17166
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17166
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17166
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17166

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9703.10.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9703.10.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9703.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9703.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19036), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.